

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGÔ VĂN HIỆP

**HỢP ĐỒNG GIA NHẬP
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 9380101.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2019

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. TS. Bùi Ngọc Cường**
- 2. PGS.TS. Doãn Hồng Nhung**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng.....năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia;
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trên thế giới, hợp đồng gia nhập ra đời khoảng giữa thế kỷ thứ XIX, gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp của các quốc gia phương Tây và ngày càng được sử dụng phổ biến. Những hợp đồng này được gọi là hợp đồng gia nhập (*Adhesion contract*) hoặc còn được biết đến là hợp đồng mẫu tiêu chuẩn (*Standard form contract*) hay hợp đồng hàng loạt (*Boilerplate contract*).

Ở Việt Nam, loại hợp đồng này mới chỉ xuất hiện trong thời gian gần đây nhưng tần suất được sử dụng ngày một nhiều, nhất là trong các giao dịch giữa thương nhân với người tiêu dùng. Với vị thế của mình, thương nhân thường “*cài sẵn*” những điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập để tạo lợi thế tối đa cho mình, gây bất lợi cho người tiêu dùng. Chính vì vậy, pháp luật cần phải can thiệp và kiểm soát hợp đồng gia nhập theo hướng bảo vệ quyền lợi của bên yếu thế trong quan hệ hợp đồng. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống về hợp đồng gia nhập theo pháp luật Việt Nam cũng như của một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới để từ đó tiếp thu có chọn lọc các yếu tố hợp lý, vận dụng vào việc đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập và nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam là rất cần thiết. Hơn nữa, hiện nay, các quy định pháp luật về hợp đồng gia nhập nằm rải rác trong nhiều văn bản luật khác nhau, do nhiều ngành luật điều chỉnh, một số quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo, các vấn đề lý luận còn bỏ ngỏ trong khoa học pháp lý và thực tiễn chưa được kiểm chứng, đánh giá một cách cụ thể. Từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài “**Hợp đồng gia nhập theo pháp luật Việt Nam**” làm luận án Tiến sĩ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận về hợp đồng gia nhập và pháp luật hợp đồng gia nhập. Trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành về hợp đồng gia nhập, luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập và nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án là: 1. Nghiên cứu làm rõ khái niệm hợp đồng gia nhập, so sánh khái niệm hợp đồng gia nhập với khái niệm điều kiện thương mại chung, khái niệm hợp đồng mẫu; 2. Làm rõ bản chất pháp lý và các đặc điểm của hợp đồng gia nhập; 3. Nghiên cứu các học thuyết kinh tế và học thuyết pháp lý để làm rõ căn nguyên của việc pháp luật can thiệp và kiểm soát hợp đồng gia nhập; 4. Xác định các nội dung cụ thể của pháp luật hợp đồng gia nhập; 5. Phân tích thực trạng pháp luật hiện hành về hợp đồng gia nhập và thực tiễn thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam; 6. Nghiên cứu chính

sách và các qui định pháp luật về hợp đồng gia nhập của một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận về hợp đồng gia nhập và pháp luật hợp đồng gia nhập; Thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn có ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng gia nhập trên thực tế.

Phạm vi nghiên cứu của luận án chủ yếu tập trung vào phân tích và đánh giá loại hợp đồng được giao kết giữa thương nhân với người tiêu dùng liên quan đến việc mua, sử dụng một số loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Luận án nghiên cứu chính sách và các qui định pháp luật của một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới về hợp đồng gia nhập dựa trên phương pháp so sánh, đối chiếu.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

Luận án vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Quan điểm của Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật; Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về hợp đồng nói riêng.

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung của khoa học xã hội, nhân văn sau: Phương pháp phân tích; Phương pháp tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp thống kê; Phương pháp lịch sử; Phương pháp xã hội học pháp luật...

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án có một số đóng góp mới sau: 1. Xây dựng khái niệm hợp đồng gia nhập có tính chất khái quát hóa, phản ánh những đặc điểm cơ bản của loại hợp đồng này; 2. Phân tích nền tảng triết lý của việc Nhà nước cần phải kiểm soát việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập bằng pháp luật; 3. Làm rõ căn nguyên của việc Nhà nước can thiệp bằng pháp luật để điều chỉnh hợp đồng gia nhập theo hướng bảo vệ bên yếu thế trong quan hệ hợp đồng nhưng vẫn không phá vỡ nguyên tắc tự do hợp đồng; 4. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện về thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam; 5. Đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia nhập và nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận: Luận án đã nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về các vấn đề liên quan đến hợp đồng gia nhập.

Về mặt thực tiễn: Những kết quả nghiên cứu, kết luận, đề xuất của luận án còn có ý nghĩa là cơ sở để các nhà lập pháp lựa chọn, áp dụng trong việc pháp điển hóa các văn bản pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương:

- *Chương 1:* Tổng quan về tình hình nghiên cứu.
- *Chương 2:* Những vấn đề lý luận về hợp đồng gia nhập và pháp luật hợp đồng gia nhập.
- *Chương 3:* Thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.
- *Chương 4:* Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những kết quả nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Những kết quả nghiên cứu về lý luận hợp đồng gia nhập và pháp luật hợp đồng gia nhập

1.1.1.1. Những kết quả nghiên cứu trên thế giới

Tác giả Kessler Friedrich làm rõ những tồn tại, bất cập cũng như sự lúng túng của Tòa án thuộc hệ thống Common Law trong việc giải thích hợp đồng gia nhập dựa trên nguyên tắc tự do hợp đồng, từ đó đặt ra vấn đề xác định căn nguyên của việc Nhà nước can thiệp bằng pháp luật vào quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập. Tác giả W. David Slawson đi sâu phân tích hai nguyên nhân chính hình thành hợp đồng gia nhập, từ đó đề xuất nhiệm vụ của Tòa án trong việc điều chỉnh cách hành xử của các bên trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng theo nguyên tắc công bằng. Tác giả Albert A. Ehrenzweig phân tích một số vụ/việc cụ thể phát sinh từ hợp đồng trong lĩnh vực bảo hiểm, vay thương mại, vận chuyển hàng hóa, lao động, từ đó làm rõ đặc điểm cơ bản của hợp đồng gia nhập là quyền tự do ý chí bị hạn chế hoặc triệt tiêu. Tác giả Todd D. Rakoff làm rõ các vấn đề lý luận về hợp đồng gia nhập, đi sâu phân tích vai trò của hợp đồng gia nhập trong mối liên hệ với tái cấu trúc luật hợp đồng. Trên cơ sở phân tích các vấn đề liên quan đến khái niệm, đặc điểm của hợp đồng gia nhập, tác giả Elena D'Agostino làm rõ vị trí, vai trò của hợp đồng gia nhập trong mối liên hệ với kinh tế với tư cách là cơ sở, nền tảng hình thành hợp đồng gia nhập. Giáo sư Martijn W. Hesselink phân tích một số khiếm khuyết của Chỉ thị số 93/13/EEC năm 1993 liên quan đến các điều khoản bất bình đẳng trong hợp đồng tiêu dùng bởi phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị này chỉ là các hợp đồng giữa nhà cung cấp - thương nhân với người tiêu dùng mà không đề cập đến các hợp đồng giữa thương nhân với thương nhân.

Trong số các công trình nghiên cứu nói trên, bài viết của học giả Kessler Friedrich và Giáo sư Martijn W. Hesselink đã có ảnh hưởng lớn đến hướng tiếp cận nghiên cứu, quan điểm cũng như củng cố luận điểm của tác giả trong việc đề xuất xây dựng, hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

1.1.1.2. Những kết quả nghiên cứu ở Việt Nam

Ở góc độ chung nhất, tác giả Nguyễn Như Phát, Phạm Quang Đăng, Vũ Thị Hoa đã làm rõ các vấn đề lý luận về điều kiện thương mại chung trong mối liên hệ với nguyên tắc tự do khế ước, đặc biệt các tác giả nêu trên đã phân tích sâu về quyền tự do ý chí của các bên khi giao dịch theo điều kiện thương mại chung. Tác giả Nguyễn Thị Hằng đi sâu phân tích các vấn đề lý luận về điều kiện thương mại chung và thực trạng pháp luật về điều kiện thương mại chung ở Việt Nam, chỉ ra các tồn tại, bất cập, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về điều kiện thương mại chung ở Việt Nam. Dưới góc độ luật so

sánh, tác giả Đỗ Giang Nam đi sâu phân tích các vấn đề liên quan đến việc kiểm soát điều khoản mẫu trong hợp đồng tiêu dùng của Liên minh Châu Âu, qua đó cho thấy những yếu tố tiên bộ, hợp lý mà Việt Nam cần kế thừa. Ở góc độ riêng, tác giả Lò Thùy Linh phân tích, đánh giá về các khía cạnh liên quan đến lý luận hợp đồng gia nhập và pháp luật hợp đồng gia nhập hiện nay dưới góc độ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đề xuất hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Anh so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa pháp luật hợp đồng gia nhập của Việt Nam và pháp luật hợp đồng gia nhập của một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, chỉ ra những ưu điểm cần kế thừa, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam. Tác giả Doãn Hồng Nhung (*Chủ biên*) - Nguyễn Hạnh Diệp - Nguyễn Việt Minh - Tạ Thu Thảo phân tích, đánh giá các rủi ro mà người tiêu dùng gặp phải trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập, từ đó đưa ra các chỉ dẫn cần thiết mà người tiêu dùng cần lưu ý để có thể tránh/và hoặc hạn chế rủi ro trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập, đồng thời đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện các qui định pháp luật hiện hành. Tác giả Ngô Huy Cương phân tích sâu về yếu tố ưng thuận của hợp đồng - một bộ phận cấu thành quan trọng của tự do ý chí trong giao kết hợp đồng. Tác giả Hà Thị Thúy phân tích một số điểm bất cập liên quan đến giải thích hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này.

Những thành quả nghiên cứu nêu trên của các học giả trong nước sẽ được tác giả kế thừa có chọn lọc để áp dụng vào quá trình nghiên cứu, hoàn thiện luận án.

1.1.2. Những kết quả nghiên cứu về thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập trên thế giới và ở Việt Nam

1.1.2.1. Những kết quả nghiên cứu trên thế giới

Tác giả Philip Schuchman làm rõ những đặc điểm cơ bản của hợp đồng gia nhập, chỉ ra những tồn tại, bất cập thông qua việc phân tích hợp đồng tín dụng tiêu dùng, từ đó đưa ra những kiến nghị điều chỉnh luật thực định theo định hướng bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Qua việc phân tích những khía cạnh liên quan đến hợp đồng trong lĩnh vực bảo hiểm dưới góc độ các qui định hiện hành cũng như việc thực thi pháp luật tại tiểu bang California, tác giả Allen Reames Sterkin làm rõ những đặc điểm cơ bản của hợp đồng gia nhập, chỉ ra những tồn tại, bất cập của loại hợp đồng này, từ đó đưa ra những kiến nghị điều chỉnh việc giao kết và thực hiện hợp đồng trong lĩnh vực bảo hiểm. Tác giả Sierra David Sterkin phân tích thực trạng thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập của tiểu bang California, trên cơ sở so sánh hệ thống thiết lập và thực thi hợp đồng gia nhập ngoài tiểu bang California, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng gia nhập của tiểu bang California. Tác giả Mark R. Patterson chỉ ra các tiêu chuẩn của hợp đồng chính là tiêu chuẩn của các gói hàng hóa, dịch vụ được cung cấp ưu đãi cho khách hàng, giống như là tiêu

chuẩn của một sản phẩm, nhưng phải được đặt trong sự tương tác với luật chống độc quyền, Mark R. Patterson cũng đề xuất, kiến nghị một số phương pháp tiếp cận để giao kết hợp đồng mẫu. Tác giả Shmuel I. Becher và Esther Unger-Aviram cho rằng người tiêu dùng chịu bất lợi thường là do không đọc các hợp đồng mẫu. Do đó, giải pháp kiểm soát của pháp luật đối với các hợp đồng mẫu là phải qui định in ấn rõ ràng, cỡ chữ dễ đọc...

Những thành quả nghiên cứu nêu trên chính là nguồn tư liệu quý báu mà tác giả sẽ kế thừa có chọn lọc để áp dụng vào quá trình nghiên cứu, hoàn thiện luận án.

1.1.2.2. Những kết quả nghiên cứu ở Việt Nam

Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Công Thương xuất bản cuốn “*Hướng dẫn công tác kiểm soát hợp đồng theo mẫu & điều kiện giao dịch chung*”, nội dung cuốn sách chủ yếu tổng kết và hướng dẫn công tác thực thi pháp luật liên quan đến: *Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp đồng gia nhập; tiêu chí xem xét hợp đồng gia nhập, điều kiện giao dịch chung; ngôn ngữ và hình thức của hợp đồng gia nhập; nội dung của hợp đồng gia nhập; các yêu cầu cụ thể đối với hợp đồng gia nhập, điều kiện giao dịch chung...*

Tác giả Trần Văn Biên đặt vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao kết hợp đồng điện tử qua Internet, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật hợp đồng điện tử qua Internet. Thông qua việc phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tác giả Nguyễn Thị Vân Anh đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này. Tác giả Vũ Thị Lan Anh phân tích các qui định pháp luật và thực tiễn thực hiện việc giải quyết tranh chấp về quyền lợi người tiêu dùng tại Tòa án nhân dân, chỉ ra các tồn tại, bất cập liên quan. Trên cơ sở phân tích một số tồn tại, bất cập của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tác giả Đinh Thị Hồng Trang đề xuất việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Từ việc phân tích tồn tại, bất cập của qui định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao kết và thực hiện hợp đồng theo mẫu khi mua bán căn hộ chung cư cũng như thực tiễn thực thi, tác giả Doãn Hồng Nhung và Hoàng Anh Dũng đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan.

Các tác giả đã tiếp cận ở một góc độ nhất định thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam qua việc phân tích, đánh giá những tồn tại, bất cập của các qui định pháp luật hiện nay đối với một số lĩnh vực cụ thể, từ đó đưa ra những đề xuất sửa đổi, bổ sung các qui định pháp luật hiện hành về hợp đồng gia nhập. Tuy nhiên, các tác giả mới chỉ tiếp cận vấn đề thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập ở góc độ hẹp, dung lượng còn hạn chế...

1.1.3. Những đề xuất trong công trình nghiên cứu nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam

Tác giả đưa ra một số đề xuất sau: 1. Hoàn thiện định nghĩa về hợp đồng gia nhập nhằm chỉ rõ các tiêu chí cơ bản để dựa vào đó nhận diện hợp đồng gia nhập; 2. Làm rõ mục đích và vai trò của pháp luật hợp đồng gia nhập trong xu thế hoàn thiện pháp luật về hợp

đồng nói chung và hợp đồng gia nhập nói riêng; 3. Mở rộng phạm vi và đối tượng áp dụng của pháp luật về hợp đồng gia nhập; 4. Hoàn thiện các qui định pháp luật liên quan đến thẩm tra và đăng ký hợp đồng gia nhập; 5. Tập trung hoàn thiện các qui định pháp luật hướng dẫn thủ tục rút gọn để Tòa án có thể xét xử nhanh các tranh chấp về hợp đồng gia nhập; 6. Hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

1.2. Cơ sở lý thuyết, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý thuyết

Tác giả đã dựa vào cơ sở lý thuyết về kinh tế và lý thuyết về pháp lý sau: 1. Về lý thuyết kinh tế: Định lý Coase (*Coase's theorem*) của học giả Ronald H. Coase; Lý thuyết thông tin bất cân xứng (*Asymmetric Information*) của ba học giả là Georgo Akerlof, Michael Spence và Joseph Stiglitz. 2. Về lý thuyết pháp lý: Học thuyết về tự do ý chí của các triết gia như: Aristotle; D'Aquinas; Descartes, và Kant; Học thuyết “*công bằng về thủ tục*” của học giả Werner Flume và học thuyết “*công bằng thực chất*” của học giả Karl Larenz.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Tác giả đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu cần được làm rõ sau: 1. Đối với phân lý luận về hợp đồng gia nhập và pháp luật hợp đồng gia nhập; 2. Đối với phần thực trạng pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam; 3. Đối với phần hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

1.2.3. Giả thuyết nghiên cứu

Tác giả đặt ra các giả thuyết nghiên cứu sau: 1. Các vấn đề lý luận về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam hiện nay chưa được các học giả nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống; 2. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới nên cần phải hội nhập cả về pháp luật. 3. Nếu không có sự khác biệt cơ bản về bản chất kinh tế và pháp lý của hợp đồng gia nhập khi được áp dụng đối với người tiêu dùng thì không có lý do gì để cho rằng pháp luật cần phải bảo vệ người tiêu dùng; 4. Bản chất pháp lý của hợp đồng gia nhập, hợp đồng theo mẫu, điều kiện thương mại chung khác nhau; 5. Hệ thống pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam hiện nay còn khá nhiều tồn tại, bất cập. 6. Các giải pháp nhằm tăng cường tính khả thi của pháp luật về hợp đồng gia nhập cũng như cơ chế thực thi trên thực tế chưa nhiều, tính đồng bộ và hiệu quả áp dụng chưa cao.

1.3. Định hướng nghiên cứu của luận án

1.3.1. Những vấn đề luận án cần giải quyết liên quan đến lý luận

1.3.1.1. Đánh giá thực trạng hệ thống lý luận về hợp đồng gia nhập

Việc đánh giá thực trạng hệ thống lý luận về hợp đồng gia nhập theo pháp luật Việt Nam nhằm mục đích chính là chỉ ra các tồn tại, bất cập, tìm ra những yếu tố tiến bộ, hợp lý để kế thừa, từ đó làm cơ sở đề xuất, xây dựng hệ thống lý luận về hợp đồng gia nhập theo pháp luật Việt Nam có tính thống nhất, đầy đủ.

1.3.1.2. Xây dựng hệ thống lý luận về hợp đồng gia nhập

Trên cơ sở kế thừa các thành quả nghiên cứu trước đó, luận án xây dựng hệ thống lý luận về hợp đồng gia nhập như: *Cơ sở kinh tế, pháp lý của việc hình thành hợp đồng gia nhập; Khái niệm hợp đồng gia nhập; Các đặc điểm cơ bản của hợp đồng gia nhập; Nguồn gốc hình thành và vai trò của hợp đồng gia nhập; Phân loại hợp đồng gia nhập...*

1.3.2. Những vấn đề luận án cần giải quyết liên quan đến hệ thống pháp luật

1.3.2.1. Đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật hợp đồng gia nhập

Hiện nay, các qui định pháp luật về hợp đồng gia nhập được nhiều ngành luật điều chỉnh và nằm rải rác trong các văn bản luật khác nhau. Một số qui định còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu tính khả thi và khó áp dụng trên thực tế. Việc nghiên cứu và đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật hợp đồng gia nhập hiện nay ở Việt Nam, phân tích tồn tại, bất cập của các qui định pháp luật về hợp đồng gia nhập và cơ chế thực thi hợp đồng gia nhập là rất cần thiết.

1.3.2.2. Đề xuất những giải pháp có căn cứ khoa học để hoàn thiện hệ thống pháp luật hợp đồng gia nhập

Trên cơ sở đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam hiện nay, tác giả sẽ dựa trên các căn cứ có tính khoa học để đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện các qui định về hợp đồng gia nhập; hoàn thiện các qui định về kiểm soát hợp đồng gia nhập cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam.

Kết luận Chương 1

Chế định hợp đồng gia nhập ra đời khoảng giữa thế kỷ XIX. Kể từ đó đến nay, đã có khá nhiều công trình khoa học của các học giả trên thế giới nghiên cứu về hợp đồng này, điển hình là *Hoa Kỳ; Pháp; Ý; Canada...* Tuy nhiên, xuất phát từ góc độ tiếp cận cũng như phương pháp nghiên cứu khác nhau mà mỗi học giả lại có cách định nghĩa, phân tích, luận giải khác nhau về hợp đồng gia nhập. Ở Việt Nam, chế định hợp đồng gia nhập được một số học giả tiếp cận, nghiên cứu trong mấy thập kỷ gần đây. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu về hợp đồng gia nhập còn khá khiêm tốn. Hơn nữa, về nội dung, chưa xây dựng được hệ thống lý luận về hợp đồng gia nhập có sự khái quát cao, chưa đánh giá được cụ thể, chi tiết thực trạng hệ thống pháp luật hợp đồng gia nhập ở Việt Nam hiện nay, các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện hợp đồng gia nhập và cơ chế thực thi pháp luật hợp đồng gia nhập chưa đầy đủ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách tổng quan, toàn diện về tình hình nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về hợp đồng gia nhập đã giúp tác giả thấy được những vấn đề nào mà các học giả trước đã làm được để tác giả kế thừa, những vấn đề nào họ còn bỏ ngỏ để tác giả tiếp tục nghiên cứu.

Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG GIA NHẬP VÀ PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG GIA NHẬP

2.1. Khái quát về hợp đồng gia nhập

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng gia nhập

2.1.1.1. Khái niệm hợp đồng gia nhập

Thuật ngữ hợp đồng gia nhập mà tiếng Anh gọi là *Adhesion contract* có nguồn gốc từ luật dân sự Pháp nhưng không được học thuyết pháp lý của Hoa Kỳ chấp nhận cho tới khi tạp chí luật học của Đại học Harvard công bố vào năm 1919 bởi công trình nghiên cứu của Edwin W. Patterson. Trên thế giới, đã có khá nhiều định khác nhau về loại hợp đồng này, điển hình là định nghĩa về hợp đồng gia nhập trong: Black's Law Dictionary, Deluxe 10th Edition; Trường đại học luật Cornell tại Mỹ; Điều 427 và 428 Bộ luật Dân sự Liên bang Nga năm 1994; Khoản 9 Điều 2 Luật Bảo vệ người tiêu dùng Đài Loan năm 1994; Khoản 1 Điều 2 Đạo luật Hợp đồng gia nhập Hàn Quốc năm 2011; Điều 1379 Bộ luật Dân sự Québec năm 1991... Mặc dù được tiếp cận và nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau song các định nghĩa trong các tài liệu nêu trên đều có điểm chung là nhấn mạnh đến tính chất “gia nhập” của bên không soạn thảo hợp đồng.

Ở Việt Nam, trong tác phẩm “*Việt Nam Dân luật lược khảo - Quyển II: Nghĩa vụ và khế ước, Phần thứ nhất: Nguồn gốc của nghĩa vụ*” học giả Vũ Văn Mẫu khi căn cứ vào nội dung của hợp đồng, đã phân loại hợp đồng thành hai cặp: (i) *Khế ước hiệp ý và khế ước gia nhập*; (ii) *Khế ước cá nhân và khế ước cộng đồng*. Ở góc độ luật thực định, định nghĩa hợp đồng gia nhập được qui định tại khoản 1 Điều 406 BLDS năm 1995; khoản 1 Điều 407 BLDS năm 2005; khoản 5 Điều 3 LBVQLNTD năm 2010 và hiện nay là khoản 1 Điều 405 BLDS năm 2015. Định nghĩa về hợp đồng theo mẫu qui định tại khoản 1 Điều 405 BLDS năm 2015 và khoản 5 Điều 3 LBVQLNTD năm 2010 chưa đề cập đến tính chất “gia nhập” và tính chất “đại chúng” của loại hợp đồng này nhưng về cơ bản, đã phản ánh được một số đặc điểm của hợp đồng gia nhập. Tuy nhiên, khái niệm hợp đồng theo mẫu tại khoản 1 Điều 405 BLDS năm 2015 và khoản 5 Điều 3 LBVQLNTD năm 2010 có nội hàm hẹp hơn khái niệm hợp đồng gia nhập của một số học giả trên thế giới bởi hợp đồng gia nhập còn được gọi là hợp đồng mẫu tiêu chuẩn, được định nghĩa là loại hợp đồng trình bày theo mẫu tiêu chuẩn trên cơ sở “*chọn nó hoặc từ bỏ nó*”.

Như vậy, ở góc độ lý luận, vẫn còn khá nhiều cách hiểu và sử dụng thuật ngữ khác nhau liên quan đến loại hợp đồng này, sở dĩ có sự khác biệt như vậy là do cách tiếp cận của từng học giả khác nhau. Hiện nay, dưới góc độ lý luận liên quan đến loại hợp đồng này ở

Việt Nam có ba khái niệm dường như trùng nhau, đó là: *Hợp đồng gia nhập; hợp đồng theo mẫu và điều kiện thương mại chung.*

Có thể hiểu một cách khái quát về hợp đồng gia nhập như sau: *Hợp đồng gia nhập là một loại hợp đồng mà các điều khoản của nó do một bên soạn sẵn dưới một hình thức nhất định nhằm mục đích giao kết với nhiều người mua, sử dụng cùng một loại hàng hóa, dịch vụ của họ. Bên được đề nghị có quyền trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận, coi như chấp nhận toàn bộ nội dung các điều khoản của hợp đồng mà bên đề nghị đã đưa ra.*

2.1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng gia nhập

Bên cạnh việc có điểm chung như các loại hợp đồng truyền thống khác, hợp đồng gia nhập có một số điểm cơ bản sau: *Sự bình đẳng giữa các bên trong quan hệ hợp đồng chỉ mang tính hình thức; Sự bất bình đẳng được thể hiện ở việc người mua thường là bên có vị thế yếu hơn so với thương nhân trong quan hệ hợp đồng; Nguyên tắc tự do trong giao kết hợp đồng không được đề cao; Sự bất cân xứng về thông tin trong quan hệ hợp đồng; Vị trí độc quyền của thương nhân trong việc sản xuất, cung ứng một số loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên thị trường...*

Hợp đồng gia nhập còn có một số đặc điểm riêng như sau: 1. Tính “gia nhập” và “tính áp dụng hàng loạt” là những đặc điểm nổi bật của hợp đồng gia nhập; 2. Sự thỏa thuận của các bên liên quan đến việc đàm phán, thương lượng về các điều khoản của hợp đồng gia nhập bị hạn chế và sự ưng thuận trong giao kết hợp đồng gia nhập chỉ là một thời điểm; 3. Thông tin bất cân xứng trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập; 4. Hình thức của hợp đồng gia nhập thông dụng và phù hợp là ở dạng văn bản; 5. Nội dung của hợp đồng gia nhập phản ánh sự áp đặt, bảo vệ tối đa lợi ích của thương nhân

2.1.2. Nguồn gốc hình thành và vai trò của hợp đồng gia nhập

Hợp đồng gia nhập ra đời khoảng giữa thế kỷ XIX, gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp ở các quốc gia phương Tây. Hợp đồng gia nhập bắt nguồn từ luật dân sự Pháp. Quá trình phát triển của hợp đồng gia nhập tại các Tòa án vào cuối thế kỷ XIX minh chứng bằng việc hợp đồng gia nhập được đưa vào văn bản luật năm 1901. Khái niệm hợp đồng gia nhập được đưa vào khoa học luật Hoa Kỳ năm 1919. Từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Đài Loan; Hàn Quốc; EU; Québec (Canada); Pháp; Cộng hòa Liên bang Đức đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật về hợp đồng gia nhập nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hạn chế sự lạm dụng của thương nhân trong giao kết và thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng gia nhập ra đời và được sử dụng rộng rãi đã có vai trò rất quan trọng đối với thương nhân, người mua nói riêng và đối với xã hội nói chung, điều này được thể hiện ở các khía cạnh sau: Việc sử dụng hợp đồng gia nhập sẽ giảm đáng kể chi phí về thời gian, tiền bạc của thương nhân trong mỗi lần giao dịch; Việc sử dụng hợp đồng gia nhập mang lại nhiều

tiện ích cho người tiêu dùng, giảm chi phí về thời gian, tiền bạc của họ; Việc sử dụng hợp đồng gia nhập gián tiếp mang lại lợi ích cho xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

2.1.3. Phân loại hợp đồng gia nhập

Hiện nay, ở góc độ lý luận cũng luật thực định chủ yếu đề cập đến việc phân loại hợp đồng truyền thống được qui định trong Luật Dân sự và Luật Thương mại mà ít đề cập đến hợp đồng gia nhập bởi loại hợp đồng này mới chỉ xuất hiện trong thời gian gần đây nên chỉ được một số ít học giả nghiên cứu. Chính vì vậy, vấn đề lý luận về phân loại hợp đồng gia nhập còn bỏ ngỏ và các qui định pháp luật liên quan đến vấn đề này chưa được xây dựng cụ thể. Tuy nhiên, ở góc độ lý luận, có thể dựa trên các căn cứ sau để phân loại hợp đồng gia nhập: Về hình thức; Về nội dung và lĩnh vực điều chỉnh; Về chủ thể giao kết; Về phương thức giao kết.

2.2. Khái quát về pháp luật hợp đồng gia nhập

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật hợp đồng gia nhập

2.2.1.1. Khái niệm pháp luật hợp đồng gia nhập

Khái niệm pháp luật hợp đồng gia nhập cần phải được xem xét ở cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Ngoài ra, để làm rõ hơn vấn đề này, chúng ta cũng cần phải xem xét đến các yếu tố cấu thành lên pháp luật hợp đồng gia nhập, đó là: *Chủ thể, khách thể và nội dung của pháp luật hợp đồng gia nhập.*

2.2.1.2. Đặc điểm pháp luật hợp đồng gia nhập

Pháp luật hợp đồng gia nhập ghi nhận và bảo vệ quyền tự do ý chí của các bên trong quan hệ hợp đồng; Pháp luật hợp đồng gia nhập được xây dựng theo hướng bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập; Pháp luật hợp đồng gia nhập được xây dựng chặt chẽ về mặt hình thức; Pháp luật hợp đồng gia nhập được đảm bảo bằng Nhà nước.

2.2.2. Nội dung pháp luật hợp đồng gia nhập

2.2.2.1. Chủ thể, khách thể và nội dung của hợp đồng gia nhập

Chủ thể của hợp đồng gia nhập gồm cá nhân và pháp nhân, giao kết hợp đồng để thiết lập nên hai quan hệ sau: Thương nhân - người tiêu dùng; Thương nhân - thương nhân. Chủ thể tham gia giao kết hợp đồng gia nhập phải thỏa mãn các điều kiện luật định về năng lực chủ thể. Tuy nhiên, trong quan hệ hợp đồng gia nhập, bên soạn thảo các điều khoản của hợp đồng thường là bên có vị thế, tiềm lực tài chính, khả năng nắm giữ các thông tin liên quan đến hàng hóa, dịch vụ cao hơn so với bên được đề nghị.

Khách thể của hợp đồng gia nhập là đối tượng mà hợp đồng hướng tới, đó là hàng hóa hoặc dịch vụ được bên bán - thương nhân bán, cung ứng cho bên mua - người tiêu dùng, có một số trường hợp cá biệt, bên mua cũng là thương nhân. Khách thể của hợp đồng gia

nhập có điểm đặc thù thể hiện ở chỗ hàng hóa, dịch vụ mà thương nhân bán, cung ứng cho người tiêu dùng thường là những loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu của cuộc sống.

Nội dung cơ bản của hợp đồng là tổng hợp những điều khoản mà các chủ thể giao kết hợp đồng đã thỏa thuận. Khi dựa vào tính chất của các điều khoản trong hợp đồng, có thể xác định nội dung của đồng gia nhập gồm 03 nhóm sau: Điều khoản cơ bản là các điều khoản xác định nội dung chủ yếu của hợp đồng; Điều khoản thông thường; Điều khoản tùy nghi.

2.2.2.2. *Giải thích hợp đồng gia nhập*

Vì yếu tố thỏa thuận trong giao kết hợp đồng gia nhập bị hạn chế hoặc triệt tiêu dẫn đến bất cân bằng lợi ích giữa các bên, điều này xuất phát bởi những lý do cơ bản sau: Trong hợp đồng gia nhập, do việc thiếu hoặc không có khả năng thương lượng và thỏa thuận có thể dẫn đến việc một bên không nhận thức được sự tồn tại hay nội dung của các điều khoản mẫu do một bên đưa ra; Bên được đề nghị thường ở vị thế thấp, tiềm lực tài chính yếu hơn so với bên đề nghị giao kết hợp đồng gia nhập; Bên được đề nghị không tham gia vào quá trình soạn thảo các điều khoản của hợp đồng gia nhập. Chính vì vậy, nhà làm luật cần phải thiết kế các qui định pháp luật để giải thích hợp đồng gia nhập nhằm kiểm soát các điều khoản không công bằng. Vấn đề này hiện được qui định tại khoản 2 Điều 405 BLDS năm 2015 và Điều 15 LBVQLNTD năm 2010.

Ai sẽ có quyền giải thích hợp đồng gia nhập? Trước hết, việc giải thích hợp đồng sẽ do các bên giao kết hợp đồng tự thực hiện, trong trường hợp các bên không đạt được sự đồng thuận khi giải thích hợp đồng thì việc giải thích hợp đồng sẽ thuộc về Tòa án khi các bên khởi kiện tại Tòa án.

2.2.2.3. *Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia nhập*

Hợp đồng gia nhập là một dạng đặc thù của giao dịch dân sự. Chính vì vậy, để có hiệu lực pháp luật, hợp đồng gia nhập phải thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được qui định tại Điều 117 BLDS năm 2015. Các điều kiện đó là: Người giao kết hợp đồng gia nhập có năng lực hành vi dân sự (*bao gồm cá nhân và pháp nhân*); Người giao kết hợp đồng gia nhập hoàn toàn tự nguyện; Mục đích và nội dung của hợp đồng gia nhập không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Hình thức của hợp đồng không trái luật.

2.2.2.4. *Nguyên tắc giao kết hợp đồng gia nhập*

Các nguyên tắc giao kết hợp đồng gia nhập về cơ bản bị điều chỉnh bởi khoản 2; 3 Điều 3 BLDS năm 2015, cụ thể: “2. *Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng*; 3. *Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực*”.

Kết luận Chương 2

Hợp đồng gia nhập được hình thành khoảng giữa thế kỷ XIX và mới chỉ được các học giả trên thế giới nghiên cứu trong hơn 100 năm qua. Do đó, có khá nhiều quan điểm khác nhau liên quan đến khái niệm, đặc điểm của loại hợp đồng này. Dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước đó, tác giả đã xây dựng một bức tranh toàn cảnh về hợp đồng gia nhập liên quan đến các vấn đề cơ bản nhất như: *Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng gia nhập; nguồn gốc hình thành và vai trò của hợp đồng gia nhập; phân loại hợp đồng gia nhập.*

Để hiểu rõ khái niệm pháp luật hợp đồng gia nhập, chúng ta cần phải xem xét ở cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, xem xét các đặc điểm của pháp luật hợp đồng gia nhập. Nội dung của pháp luật hợp đồng gia nhập cần được xây dựng xoay quanh các vấn đề cơ bản nhất như: *Chủ thể, khách thể và nội dung của hợp đồng gia nhập; giải thích hợp đồng gia nhập; điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia nhập; nguyên tắc giao kết hợp đồng gia nhập.*

Chương 3: THỰC TRẠNG

PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG GIA NHẬP Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký và kiểm soát hợp đồng gia nhập

3.1.1. Qui định về đăng ký hợp đồng gia nhập

Về thủ tục tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký. LBVQLNTD năm 2010; Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011; Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012; Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 đã có những qui định khá đầy đủ về việc kiểm soát hợp đồng gia nhập liên quan đến các vấn đề như: Thẩm quyền tiếp nhận đăng ký; Hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ đăng ký; Thông báo cho thương nhân; Công khai kết quả đăng ký.

Về tiêu chí xem xét, đăng ký hợp đồng gia nhập. Phạm vi xem xét nội dung hợp đồng gia nhập được qui định tại Điều 13 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011. Yêu cầu chung để hợp đồng gia nhập được đăng ký liên quan đến các vấn đề: Không sử dụng các thuật ngữ đa nghĩa, sử dụng tiếng nước ngoài, sử dụng cỡ chữ quá nhỏ hoặc nền giấy và màu mực không tương phản nhau, nội dung hợp đồng gia nhập phải rõ ràng dễ hiểu; Các nội dung không có hiệu lực trong hợp đồng gia nhập; Sự phù hợp với qui định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng.

3.1.2. Qui định về hiệu lực của hợp đồng gia nhập và hợp đồng gia nhập vô hiệu

Về cơ bản, các vấn đề liên quan đến hiệu lực của hợp đồng gia nhập được qui định tại Điều 401 BLDS năm 2015, cụ thể: “1. Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có qui định khác; 2. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo qui định của pháp luật”. Như vậy, hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết; được xác định theo sự thỏa thuận của các bên hoặc theo qui định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng gia nhập có ý nghĩa rất quan trọng bởi lẽ xác định được thời điểm có hiệu lực của hợp đồng có nghĩa là xác định được thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Xuất phát từ đặc điểm của hợp đồng gia nhập nên thời điểm có hiệu lực của loại hợp đồng này cũng có sự khác biệt nhất định khi so sánh với hợp đồng truyền thống thể hiện ở việc đối với những hợp đồng có tính chất “gia nhập”, các bên không cần phải tham gia ngay từ đầu, mà có thể tự nguyện tuyên bố gia nhập sau khi hợp đồng được xác lập.

Bên cạnh đó, để hợp đồng gia nhập có hiệu lực, hợp đồng đó ngoài việc phải tuân thủ các điều kiện mà giao dịch dân sự cần phải có, còn phải tuân theo các điều kiện riêng, đặc

thù xuất phát từ tính chất, đặc điểm của hợp đồng gia nhập, tức là không vi phạm 9 trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 16 LBVQLNTD năm 2010. Tựu chung lại, có bốn điều kiện cơ bản sau để một hợp đồng gia nhập có hiệu lực, đó là: 1. Các chủ thể giao kết hợp đồng phải hợp pháp; 2. Các chủ thể giao kết hợp đồng phải hoàn toàn tự nguyện; 3. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đối tượng của hợp đồng không thuộc hàng hóa cấm giao dịch, công việc cấm thực hiện. Nội dung của hợp đồng cần phải cụ thể; 4. Hình thức của hợp đồng phải tuân theo những thể thức nhất định phù hợp với các quy định của pháp luật được thiết kế tương ứng cho loại hợp đồng đó.

3.1.3. Quy định về kiểm soát hợp đồng gia nhập (Điều khoản lạm dụng...)

Xuất phát từ đặc điểm của hợp đồng gia nhập là do một bên soạn sẵn các điều khoản. Do đó, bên đưa ra hợp đồng luôn có xu hướng soạn thảo nội dung các điều khoản theo hướng có lợi cho họ một cách tối đa và đẩy rủi ro, bất lợi cho bên kia. Những điều khoản này được nhiều nhà nghiên cứu gọi là “*điều khoản lạm dụng*”. Những điều khoản lạm dụng hay gặp nhất hiện nay là trong các hợp đồng điện tử.

Để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cần phải kiểm soát các điều khoản lạm dụng. Cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, các nhà làm luật Đức và Anh đã ban hành những quy định quan trọng nhằm kiểm soát những điều kiện giao dịch chung và những điều khoản không công bằng đối với người tiêu dùng. Hiện nay, văn bản được quan tâm nhất trên thế giới về kiểm soát các điều kiện giao dịch chung là Chỉ thị của Ủy ban Châu Âu số 93/13/ECC ngày 05/4/1993. Trên cơ sở các quy định tại Chỉ thị số 93/13/EEC ngày 05/4/1993, Anh; Pháp; Đức và nhiều quốc gia khác trong Liên minh Châu Âu (EU) đã ban hành các văn bản pháp luật phù hợp với quy định của Chỉ thị số 93/13/EEC ngày 05/4/1993.

Để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khoản 3 Điều 405 BLDS năm 2015 quy định kiểm soát những điều khoản lạm dụng, cụ thể: “*Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản miễn trách nhiệm của bên đưa ra hợp đồng theo mẫu, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì điều khoản này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Để kiểm soát hợp đồng gia nhập, pháp luật còn buộc thương nhân phải đăng ký hợp đồng gia nhập tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp thương nhân đó kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đối với cuộc sống theo quy định tại khoản 1 Điều 19 LBVQLNTD năm 2010; Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 và Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015. Trong một số văn bản luật chuyên ngành, nhà làm luật còn thiết lập cơ chế kiểm soát hợp đồng gia nhập bằng việc ấn định các điều khoản tối thiểu mà hợp đồng gia nhập cần phải có cũng như quy định việc kiểm soát hợp đồng gia nhập thông qua cơ chế phê duyệt hay ban hành hợp đồng gia nhập tiêu chuẩn để thương nhân áp dụng hoặc đưa ra các điều khoản tiêu chuẩn của hợp đồng cũng như xác định rõ vai trò của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát nội dung các điều khoản đó.

Về cơ bản, các qui định kiểm soát hợp đồng gia nhập vẫn chưa đầy đủ, chi tiết nhất là trong hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Vấn đề kiểm soát hợp đồng gia nhập không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát nội dung các điều khoản của hợp đồng trong quá trình thẩm tra, đăng ký mà còn phải mở rộng ra bằng việc thiết kế các qui định pháp luật cụ thể liên quan đến hoạt động kiểm tra, thanh tra và giám sát việc thương nhân áp dụng chúng trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập với người tiêu dùng.

3.1.4. Qui định về điều chỉnh lại các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập

Để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quan hệ hợp đồng thì cần điều chỉnh lại các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập, nhất là khi các điều khoản này có nguy cơ gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Trong trường hợp hợp đồng gia nhập chứa đựng các điều khoản lạm dụng, nó sẽ bị yêu cầu hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các qui định của pháp luật để có hiệu lực. Việc hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập sẽ được thực hiện bởi chính thương nhân trên cơ sở yêu cầu từ phía Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc theo đề nghị của người tiêu dùng.

Về vấn đề điều chỉnh lại các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập, Điều 16 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 đã có những qui định cụ thể, chi tiết hơn so với khoản 2 Điều 19 LBVQLNTD năm 2010 với việc bổ sung thêm một số biện pháp như: Yêu cầu thương nhân phải giải trình để làm rõ các nội dung hợp đồng gia nhập trong trường hợp nội dung đó không rõ hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau; Ấn định một khoảng thời gian nhất định thương nhân phải có nghĩa vụ sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm và thông báo cho người tiêu dùng đã giao kết hợp đồng.

Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 và khoản 1 Điều 16 LBVQLNTD năm 2010 qui định 9 trường hợp các điều khoản lạm dụng sẽ không có hiệu lực pháp luật. Luật Cạnh tranh năm 2018 mặc dù không chứa đựng các qui định liên quan trực tiếp đến hợp đồng gia nhập. Tuy nhiên, đã có một số qui định của Luật Cạnh tranh năm 2018 hướng đến việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập. Để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập, BLDS năm 2015; LBVQLNTD năm 2010; Luật Cạnh tranh năm 2018 và Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 đã có một số qui định liên quan đến việc điều chỉnh lại hoặc loại bỏ các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập.

3.2. Thực trạng giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập ở Việt Nam

3.2.1. Thực trạng giao kết hợp đồng gia nhập

Sự phát triển của kinh tế Việt Nam thời gian gần đây cùng với quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới dẫn đến hệ quả là số lượng hợp đồng gia nhập được giao kết ngày càng nhiều, chất lượng được cải thiện, quyền lợi người tiêu dùng từng

bước được đảm bảo, đặc biệt là kể từ khi có Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 và Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015. Theo số liệu thống kê cho thấy hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về mua bán và dịch vụ quản lý căn hộ chung cư tại Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng là nhóm nhiều nhất.

Hiện nay, Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 và Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 chỉ qui định 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký là chưa phù hợp với thực tiễn bởi lẽ các lĩnh vực khác giao kết hợp đồng gia nhập khá nhiều như: *Hợp đồng tín dụng; hợp đồng bảo hiểm (ngoài hợp đồng bảo hiểm nhân thọ); hợp đồng bán hàng tận cửa; hợp đồng giao kết từ xa; hợp đồng cung cấp dịch vụ liên tục...* Tuy nhiên, luật chưa qui định thương nhân phải có nghĩa vụ đăng ký hợp đồng gia nhập trong các lĩnh vực nói trên có thể dẫn đến thương nhân lợi dụng việc không bị thẩm tra nội dung các điều khoản trong hợp đồng để từ đó soạn thảo các hợp đồng gia nhập chứa đựng các điều khoản lạm dụng gây bất lợi cho người tiêu dùng.

3.2.2. Thực trạng thực hiện hợp đồng gia nhập ở Việt Nam

Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia nhập, thương nhân thường là bên có hành vi vi phạm hợp đồng và tập trung chủ yếu ở các nhóm lĩnh vực sau: 1. Căn hộ chung cư bao gồm: *Mua bán căn hộ chung cư; các dịch vụ sinh hoạt do đơn vị quản lý khu chung cư cung cấp*; 2. Viễn thông; 3. Điện, nước sinh hoạt; 4. Vận tải; 5. Tiêu dùng.

Ngoài các trường hợp nêu trên, thương nhân còn có hành vi vi phạm liên quan đến nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng gia nhập; Nguyên tắc bình đẳng trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập; Nguyên tắc công bằng, bình đẳng trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập.

Các lỗi vi phạm này có thể do nguyên nhân khách quan phát sinh từ việc các qui định pháp luật còn thiếu tính khả thi, khó áp dụng và cả nguyên nhân chủ quan là do thương nhân đã cố tình vi phạm các qui định để trục lợi trái pháp luật.

Hiện nay, mức phạt đối với các hành vi vi phạm của thương nhân liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập còn nhẹ chưa có tính răn đe và phòng ngừa chung. Một nguyên nhân nữa dẫn đến hiệu quả thực hiện hợp đồng gia nhập chưa cao là do công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Pháp luật hiện hành đã qui định về các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: *Thương lượng; Hòa giải; Trọng tài và Tòa án*. Tuy nhiên, các qui định về việc áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ/việc dân sự liên quan đến hợp đồng gia nhập mới dừng ở dạng nguyên tắc, chưa được qui định cụ thể, chi tiết nên khó áp dụng.

Kết luận Chương 3

Pháp luật hợp đồng gia nhập chưa được qui định trong một văn bản thống nhất mà nằm rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó, BLDS năm 2015 giữ vai trò là trung tâm bên cạnh một số luật chuyên ngành. Bên cạnh các mặt đã đạt được, pháp luật hợp đồng gia nhập còn một số tồn tại, bất cập liên quan đến các vấn đề: Thủ tục tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký, tiêu chí xem xét, đăng ký hợp đồng gia nhập; yêu cầu chung để hợp đồng gia nhập có khả năng được đăng ký; Hiệu lực của hợp đồng gia nhập và hợp đồng gia nhập vô hiệu; Kiểm soát hợp đồng gia nhập; Điều chỉnh lại các điều khoản lạm dụng trong hợp đồng gia nhập.

Thực trạng giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập còn bất cập thể hiện ở việc số lượng hợp đồng gia nhập được đăng ký còn ít, chất lượng chưa cao. Việc thương nhân vi phạm còn khá phổ biến và tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như: *Căn hộ chung cư; nhà ở; bất động sản; viễn thông; điện, nước sinh hoạt; vận tải*. Hành vi vi phạm của thương nhân còn liên quan đến các nguyên tắc giao kết hợp đồng gia nhập như: *Nguyên tắc chung; nguyên tắc bình đẳng; nguyên tắc công bằng*. Một số lĩnh vực đã và đang sử dụng hợp đồng gia nhập khá phổ biến nhưng luật chưa qui định thương nhân phải có nghĩa vụ đăng ký

Chương 4: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG GIA NHẬP VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI HỢP ĐỒNG GIA NHẬP Ở VIỆT NAM

4.1. Yêu cầu và định hướng của việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập

4.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập

Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập phải luôn gắn với yếu tố thời gian, không mang tính chất khiên cưỡng mà phải phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, phải xác định rõ việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập không chỉ đặt ra đối với các chủ thể có thẩm quyền xây dựng và thực thi pháp luật mà còn đối với cả đối tượng bị điều chỉnh bởi các qui định pháp luật về hợp đồng gia nhập.

Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập phải đạt được những mục tiêu sau: 1. Xuất phát từ yêu cầu quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; 2. Xuất phát từ yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; 3. Xuất phát từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền; 4. Xuất phát từ yêu cầu của quá trình cải cách hành chính; 5. Xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập Quốc tế.

4.1.2. Định hướng của việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập

Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập cần được thực hiện theo những định hướng sau: 1. Xác lập và đảm bảo tính hệ thống, tính kế thừa của các qui định pháp luật về hợp đồng gia nhập; 2. Nhận thức đúng đắn và đầy đủ về vị trí, vai trò của hợp đồng gia nhập trong hệ thống pháp luật về hợp đồng để từ đó xây dựng những qui phạm pháp luật phù hợp điều chỉnh lĩnh vực này; 3. Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập phải được xây dựng theo hướng bảo vệ tối đa quyền lợi người tiêu dùng trong khi vẫn đảm bảo lợi ích chính đáng của thương nhân; 4. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập phải được xây dựng theo hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo thuận lợi cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập; 5. Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập phải được xây dựng trên cơ sở tiến hành đổi mới, nâng cao hiệu quả các thiết chế thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập.

4.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập

4.2.1. Hoàn thiện các qui định về hợp đồng gia nhập

Thống nhất khái niệm hợp đồng gia nhập trong hệ thống pháp luật. Cần xem xét việc sử dụng thống nhất thuật ngữ “*hợp đồng gia nhập*” thay thế cho thuật ngữ “*hợp đồng theo mẫu*” trong lần sửa đổi, bổ sung tiếp theo của BLDS năm 2015; LBVQLNTD năm 2010 và các văn bản pháp luật liên quan; Xem xét việc đưa ra các nguyên tắc chung nhất nhằm phân

ánh chính xác, đầy đủ các đặc điểm cơ bản của hợp đồng gia nhập; Sửa đổi, bổ sung khoản 1; 2; 3 Điều 405 BLDS năm 2015 và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan để đảm bảo tính thống nhất của cả hệ thống pháp luật.

Rà soát, pháp điển hóa các văn bản qui phạm pháp luật về hợp đồng gia nhập tiến tới xây dựng một mục riêng về hợp đồng gia nhập trong Bộ luật Dân sự. Việc rà soát, pháp điển hóa các văn bản qui phạm pháp luật về hợp đồng gia nhập có ý nghĩa trên các bình diện sau: Phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng và hoàn thiện các qui định pháp luật về hợp đồng gia nhập; Góp phần tạo ra những tiền đề pháp lý cần thiết để pháp luật về hợp đồng gia nhập của Việt Nam phù hợp với thông lệ Quốc tế; Giúp cho các chủ thể bị điều chỉnh cũng như chủ thể thực thi pháp luật có điều kiện nắm bắt dễ dàng, nhanh chóng, thuận lợi những qui định pháp luật hiện hành về hợp đồng gia nhập; Phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về hợp đồng gia nhập; Phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy pháp luật về hợp đồng gia nhập.

Sự phát triển của pháp luật về hợp đồng hiện nay là một xu thế tất yếu, khách quan. Do đó, cần xây dựng một mục riêng về hợp đồng gia nhập trong Bộ luật Dân sự điều chỉnh được những nội dung cơ bản sau: *Khái niệm hợp đồng gia nhập; Hình thức của hợp đồng gia nhập; Giá trị pháp lý của hợp đồng gia nhập; Giải thích hợp đồng gia nhập; Hiệu lực của hợp đồng gia nhập; Kiểm soát và điều chỉnh lại các điều khoản lạm dụng; Các trường hợp vô hiệu của hợp đồng gia nhập; Các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập; Đề nghị và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng gia nhập; Thời điểm và địa điểm giao kết hợp đồng gia nhập; Quyền và nghĩa vụ của các giao kết bên hợp đồng gia nhập; Nghĩa vụ cung cấp các điều khoản của hợp đồng gia nhập.*

Xây dựng và ban hành các qui định pháp luật hướng dẫn, điều chỉnh cụ thể việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập. Việc xây dựng và ban hành các qui định pháp luật hướng dẫn, điều chỉnh cụ thể việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập cần được tiếp cận từ hai góc độ: 1. *Lý thuyết về sự ưng thuận trong giao kết hợp đồng gia nhập*; 2. *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.*

4.2.2. Hoàn thiện các qui định về kiểm soát hợp đồng gia nhập

Để hoàn thiện các qui định về kiểm soát hợp đồng gia nhập, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: 1. Xây dựng cơ chế kiểm soát tính công bằng đối với các điều khoản của hợp đồng gia nhập 2. Mở rộng nhóm đối tượng hợp đồng gia nhập phải đăng ký; 3. Hoàn thiện các qui định về đăng ký hợp đồng gia nhập; 4. Tăng mức phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập.

4.3. Nhóm giải pháp đảm bảo thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập

4.3.1. Phát triển công nghệ thông tin để hỗ trợ việc đăng ký và công bố hợp đồng gia nhập

Phát triển công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ thuận lợi cho cơ quan Nhà nước trong việc quản lý; Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân trong việc đăng ký các mẫu hợp đồng gia nhập; Người tiêu dùng có thể dễ dàng truy cập để nghiên cứu, tham khảo các mẫu hợp đồng đã đăng ký trước khi quyết định có giao kết hợp đồng hay không; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến, giáo dục pháp luật về hợp đồng gia nhập trên diện rộng. Chính vì vậy, Nhà nước cần quan tâm, ban hành các chính sách và có những biện pháp cụ thể khuyến khích, đầu tư, thúc đẩy chuyển giao công nghệ nhằm phát triển hạ tầng công nghệ thông tin.

4.3.2. Nâng cao năng lực bộ máy thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập

Trong tương lai, Việt Nam cần tính đến việc thành lập Tòa chuyên trách và Trung tâm Trọng tài chuyên trách, tiến tới việc áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến. Bên cạnh đó, để đảm bảo thống nhất việc thi hành và áp dụng pháp luật về hợp đồng gia nhập, Nhà nước cần phải thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, năng lực giải quyết việc của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thẩm tra, đăng ký hợp đồng gia nhập bởi con người chính là nhân tố quyết định sự thành công. Trong tương lai, Nhà nước cần nghiên cứu để có các bước đi cụ thể tiến tới thành lập tổ chức thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hợp đồng gia nhập khi điều kiện chín muồi.

Đặc biệt, Nhà nước cần tiến hành thường xuyên việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hợp đồng gia nhập, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tập huấn kỹ năng xét xử các tranh chấp về hợp đồng gia nhập cho đội ngũ thẩm phán, hội thẩm nhân dân, trọng tài viên.

4.3.3. Đẩy mạnh việc phổ biến, giáo dục pháp luật về hợp đồng gia nhập

Phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò quan trọng trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống. Do đó, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Việc triển khai hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cần hướng đến mục tiêu là làm sao để thương nhân, người tiêu dùng hiểu đúng và đầy đủ các quy định pháp luật về hợp đồng gia nhập để tự giác tuân thủ. Việc triển khai hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cần đặc biệt chú trọng nhóm đối tượng thương nhân. Để công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đạt hiệu quả cao, trước hết cần tập trung vào các vấn đề then chốt như: *Các kỹ năng cần thiết để giao kết hợp đồng gia nhập an toàn; những rủi ro mà người tiêu dùng có thể gặp phải; các quyền lợi mà người tiêu dùng được pháp luật bảo vệ khi giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập; các nghĩa vụ mà người tiêu dùng phải thực hiện khi giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập...*

4.3.4. Đảm bảo để các tranh chấp về hợp đồng gia nhập được giải quyết nhanh chóng tại Tòa giản lược theo thủ tục rút gọn

Nhiều quốc gia trên thế giới xây dựng và áp dụng thủ tục tổ tụng rút gọn (*Summary procedure*). Hiện nay, một số văn bản pháp luật của Việt Nam đã qui định về thủ tục này nhưng mới chỉ dừng lại ở tính nguyên tắc. Do đó, cần phải bổ sung và hoàn thiện các qui định dưới luật làm cơ sở để các tranh chấp về hợp đồng gia nhập được giải quyết nhanh chóng tại Tòa giản lược theo thủ tục rút gọn. Trong tương lai, khi điều kiện chín muồi, Việt Nam cũng nên thành lập Tòa án chuyên biệt để xét xử các vụ/việc liên quan đến người tiêu dùng.

Kết luận Chương 4

Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập là một đòi hỏi tất yếu, khách quan của xã hội, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, để việc hoàn thiện này đảm bảo tính khả thi, đạt hiệu quả cao, cần phải đáp ứng những yêu cầu và định hướng nhất định.

Việc hoàn thiện này cần được thực hiện theo hai nhóm sau: 1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập tập trung vào hai vấn đề: *Hoàn thiện các qui định về hợp đồng gia nhập; hoàn thiện các qui định về kiểm soát hợp đồng gia nhập*; 2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia nhập tập trung vào các vấn đề: *Phát triển công nghệ thông tin để hỗ trợ việc đăng ký và công bố hợp đồng gia nhập; Nâng cao năng lực bộ máy thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập; Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật về hợp đồng gia nhập; Đảm bảo để các tranh chấp về hợp đồng gia nhập được giải quyết nhanh chóng tại Tòa giản lược theo thủ tục rút gọn*.

KẾT LUẬN

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ và kinh tế từ giữa thế kỷ thứ XIX cùng với cuộc cách mạng công nghiệp của các quốc gia phương Tây đã dẫn đến sự xuất hiện một loại hợp đồng mới, đó là hợp đồng gia nhập. Xuất phát từ ưu điểm mà hợp đồng này mang lại như: Tiết kiệm thời gian; tiền bạc trong quá trình giao kết và thực hiện bởi hợp đồng gia nhập được soạn sẵn thành từng mẫu nhất định và áp dụng hàng loạt đối với người tiêu dùng khi mua, sử dụng cùng một loại hàng hóa, dịch vụ. Do đó, hợp đồng gia nhập ngày càng trở nên phổ biến, được nhiều thương nhân sử dụng. Hợp đồng luôn là công cụ chủ yếu trong các giao dịch mua, bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các chủ thể trong xã hội. Chính vì vậy, khi các giao dịch nói trên phát triển, hợp đồng gia nhập đã hình thành và phát triển theo.

Trong quá trình giao kết hợp đồng gia nhập, một bên sẽ soạn sẵn các điều khoản của hợp đồng theo những mẫu nhất định và đưa ra, bên kia chỉ có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận mà không có quyền đàm phán, thương lượng về các điều khoản đó. Chính vì yếu tố thỏa thuận, vốn là cơ sở nền tảng hình thành nên hợp đồng truyền thống bị hạn chế hoặc triệt tiêu trong loại hình hợp đồng này đã làm cho quá trình giao kết hợp đồng gia nhập phát sinh nhiều vấn đề chưa từng gặp khi so sánh với các loại hợp đồng truyền thống khác, đây cũng chính là các đặc điểm riêng của hợp đồng gia nhập. Từ đây, đòi hỏi tất yếu, khách quan của thực tiễn là nhà làm luật cần phải thiết kế các qui định pháp luật riêng biệt để điều chỉnh loại hợp đồng này theo hướng là làm sao để có thể phát huy tối đa ưu điểm và hạn chế nhược điểm của loại hình hợp đồng này.

Lợi ích và rủi ro luôn song hành trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập cho dù hợp đồng đó được giao kết trên tinh thần tự nguyện, vẫn luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Hơn nữa, xuất phát từ đặc điểm vốn có của hợp đồng gia nhập mà mức độ rủi ro có thể xảy ra cho người tiêu dùng trong giao kết hợp đồng thường lớn hơn hẳn so với thương nhân. Chính vì vậy, việc nhận diện và kiểm soát rủi ro có thể phát sinh thông qua công cụ pháp luật là vấn đề cần được các chủ thể đặc biệt quan tâm khi tham gia vào quan hệ hợp đồng gia nhập.

Về bản chất, hợp đồng gia nhập khác khá nhiều so với các loại hợp đồng truyền thống khác bởi yếu tố thỏa thuận bị hạn chế hoặc triệt tiêu. Chính vì vậy, việc xây dựng một mục riêng về hợp đồng gia nhập trong BLDS sự là rất cần thiết, điều này xuất phát từ vị trí, vai trò của hợp đồng gia nhập trong xã hội ngày càng gia tăng, hợp đồng gia nhập được sử dụng với tần suất ngày một nhiều, diễn ra trong hầu hết các lĩnh vực mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Trên thế giới, chúng ta đã chứng kiến một số quốc gia thiết kế những qui định rất cụ thể, chi tiết về hợp đồng gia nhập, mà trong đó điển hình là Hàn Quốc đã xây dựng một đạo luật riêng điều chỉnh việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập. Chính vì

vậy, việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam theo hướng tập trung vào một mục riêng cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó.

Hiện nay, pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam được xây dựng trên nền tảng chính là BLDS năm 2015; LBVQLNTD năm 2010 và thuật ngữ hợp đồng theo mẫu được sử dụng thống nhất trong BLDS năm 2015; LBVQLNTD năm 2010 và các văn bản pháp luật liên quan. Điều này có thể được lý giải là về mặt lý luận, các nhà làm luật theo “*Chủ nghĩa trọng thức*”, tức là họ nhấn mạnh đến yếu tố hình thức của hợp đồng - được soạn sẵn theo một khuôn mẫu, với những điều khoản nhất định và lấy đó làm cơ sở để phân loại hợp đồng và đặt tên là hợp đồng theo mẫu. Tuy nhiên, trong luận án này, tác giả tiếp cận, nghiên cứu hợp đồng ở góc độ nội dung và phương thức giao kết. Do đó, thống nhất dùng thuật ngữ hợp đồng gia nhập.

Có thể nói, cho tới thời điểm này, BLDS năm 2015; LBVQLNTD năm 2010 là những văn bản pháp luật cơ bản và quan trọng nhất tạo cơ sở pháp lý cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập. Những nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam được chứa đựng trong các qui định về thừa nhận giá trị pháp lý của hợp đồng gia nhập; nguyên tắc giao kết hợp đồng gia nhập; trình tự giao kết hợp đồng gia nhập; thời điểm và địa điểm giao kết hợp đồng gia nhập; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao kết hợp đồng gia nhập và bảo vệ thông tin cá nhân trong giao kết hợp đồng gia nhập...

Khi phân tích các qui định pháp luật hiện hành, đánh giá tình hình xây dựng pháp luật cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam trong thời gian vừa qua có thể khẳng định những kết quả đạt được là không hề nhỏ. Tuy nhiên, vì đây là vấn đề mới, lại luôn có sự thay đổi và phát triển nhanh chóng do tác động của các yếu tố như: *Khoa học; công nghệ; kinh tế*... Nên pháp luật về hợp đồng gia nhập cũng không tránh khỏi các tồn tại, bất cập, điều đó đòi hỏi chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số qui định pháp luật hiện hành về hợp đồng gia nhập nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật, từ đó thúc đẩy hơn nữa việc giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập.

Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam là một đòi hỏi tất yếu và khách quan. Việc hoàn thiện này phải được dựa trên cơ sở lý luận và điều kiện thực tiễn ở Việt Nam như: *Phải dựa trên cơ sở tôn trọng bản chất của hợp đồng; đảm bảo tính phong phú và đa dạng của hợp đồng trên thực tiễn; đảm bảo tính thống nhất của toàn bộ hệ thống pháp luật về hợp đồng; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam; phải đặt trong giải pháp tổng thể của việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng nói chung; đảm bảo sự tương thích với các chuẩn mực pháp lý Quốc tế*... Trên cơ sở các yêu cầu này, việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập ở Việt Nam hiện nay cần tập trung vào hai nhóm giải pháp sau: 1. *Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia nhập* và 2. *Nhóm giải pháp đảm bảo thực thi pháp luật về hợp đồng gia nhập*.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA
HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Ngô Văn Hiệp (2014), “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa Quốc tế: Doanh nghiệp cần làm gì để thiệt hại là thấp nhất”, *Tạp chí Luật sư*, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hà Nội, số 02 tháng 4/2014, tr. 44 - 47.
2. Ngô Văn Hiệp (2016), “Sự thỏa thuận trong giao kết hợp đồng gia nhập”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Viện Nghiên cứu Lập pháp, Hà Nội, số 13 (317) tháng 01/2016, tr. 25 - 28, 51.
3. Ngô Văn Hiệp (2016), “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia nhập”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Bộ Tư pháp, Hà Nội, số 4 (289) tháng 4/2016, tr. 32 - 37.